

Số: 691/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 06 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện
Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo thống nhất của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 28/3/2023 (tiết 5 khoản 6 Thông báo số 103/TB-UBND ngày 31/3/2023) và đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 44/TTr-SKHĐT ngày 22/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách tỉnh năm 2023 cho các đơn vị, địa phương, tổng số tiền: 10.280.000.000 đồng (*Mười tỷ, hai trăm tám mươi triệu đồng*), từ nguồn thu tiền sử dụng đất thuộc kế hoạch vốn năm 2023, để hỗ trợ thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh, như sau:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND các huyện có tên tại Phụ lục, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục đầu tư và giao chi tiết vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh **trước ngày 20/7/2023**; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 30/7/2023** để theo dõi chỉ đạo; bố trí vốn ngân sách cấp huyện theo cơ cấu nguồn vốn, tổ chức thực hiện

hoàn thành dự án theo đúng tiến độ, thực hiện giải ngân và thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

2. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh lập thủ tục cấp kinh phí, kiểm soát chi theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, giám sát, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và thực hiện báo cáo giám sát đầu tư theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam; Chủ tịch UBND các huyện có tên tại Phụ lục và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang
Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THUỶ LỢI NHỎ, THUỶ LỢI NỘI ĐỒNG VÀ TƯỚI TIỀN TIẾN, TIẾT KIỆM NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM THEO NGHỊ QUYẾT 03/2021/NQ-HĐND

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Danh mục tuyến kênh	Địa điểm xây dựng (thôn, xã)	Quy mô công trình (tiết diện, kết cấu, hình thức...)	Chiều dài kênh kiên cố (m)	Diện tích tưới (ha)	Kinh phí đầu tư			Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 phân bổ
						Tổng vốn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác	
	Tổng số			11.695	771	17.295	13.620	3.675	10.280
(1)	Huyện Duy Xuyên			1.600	120	2.750	1.925	825	1.600
I	Kiên cố hóa kênh mương			1.600	95	1.650	1.155	495	950
1	Nâng cấp kênh tưới Bầu Bông - Mã Liễn	Duy Sơn	(60 x 50 x 10) cm	900	70	900	630	270	
2	Nâng cấp kênh Bãi Trước; Hóc Say	Duy Trinh	(40 x 60 x 10) cm	700	25	750	525	225	
II	Thuỷ lợi nhỏ			0	25	1.100	770	330	650
II.1	Trạm bơm, đập,...			0	0	0	0	0	0
II.2	Thuỷ lợi đất màu			0	25	1.100	770	330	650
1	Hệ thống điện 3 pha cung cấp điện cho trạm bơm phục vụ chống hạn vùng Vĩnh Nam, cuối kênh Xuyên Đông	Duy Vinh	Hệ thống đường dây hạ thế; công tơ điện...chiều dài 1500m		25,0	1.100	770	330	
(2)	Huyện Quế Sơn			1.700	32	1.525	1.068	458	840
I	Kiên cố hóa kênh mương			1.700	32	1.525	1.068	458	840
1	Kiên cố hóa kênh chính hồ chứa nước cây Thông	xã Quế Thuận	Kênh BTCT 50x70cm	1.000	12	1.000	700	300	
2	Kênh bê tông đi ngõ Ánh (thôn Thăng Đông)	xã Quế An	Kênh BTCT 30x40cm	700	20	525	368	158	

II	Thủy lợi nhỏ			0	0	-	0	0	0
II.1	Trạm bơm, đập,...			0	0	0	0	0	0
(3)	Huyện Thăng Bình			800	52	1.620	1.260	360	1.000
I	Kiên cố hóa kênh mương			800	37	720	630	90	500
1	Tuyến kênh thôn Bình Xá, thôn Bình Phụng	xã Bình Quế	Kênh bê tông 40x40; 40x45	800	37	720	630	90	
II	Công trình thủy lợi nhỏ			0	15	900	630	270	500
II.1	Trạm bơm, đập,...			0	15	900	630	270	500
1	Đập Móc	Xã Bình Lãnh			15	900	630	270	
(4)	Huyện Núi Thành			1.910	148	3.000	2.100	900	1.750
I	Kiên cố hóa kênh mương			1.710	144	2.410	1.687	723	1.400
1	Kênh N3-3 Nam Phú Ninh (giai đoạn 2) từ QL 1A đến Châu Ngọc Diệp	Tam Xuân 2	BTCT: BxH (1,0 x 0,7) m	500	110	1.100	770	330	
2	Kênh N28 Đội 1-1 (thửa đất bà Doãn Thị Xuân đến Sông), thôn Đức Bó 1	Tam Anh Bắc	BTCT: BxH (0.4 x 0,4) m	400	10	430	301	129	
3	Kênh Gò Huê - Suối Dài, thôn An Long	Tam Nghĩa	BTCT: BxH (0.4 x 0,4) m	400	17	430	301	129	
4	Kênh N293-1 ông Luận đi mương tiêu, thôn Trà Lý	Tam Anh Bắc	BTCT: BxH (0.4 x 0,4)m	410	7	450	315	135	
II	Thủy lợi nhỏ			200	4	590	413	177	350
II.1	Trạm bơm, đập,...			200	4	590	413	177	350
1	Đập Đồng Vườn và kênh tưới, Thuận Yên Tây	Tam Sơn	Đập BTCT và kênh hình hộp (40x50)	200	3,5	590	413	177	
(5)	Huyện Phú Ninh			1.850	54	1.650	1.155	495	900
I	Kiên cố hóa kênh mương			1.850	54	1.650	1.155	495	900
1	Kênh N6 - Dương Lâm	Xã Tam Dân	BxH = 50x60	950	45	850	595	255	

2	Kênh từ đập cây Nhãn đến ngõ 2 Trúc, thôn Trung Đàn, xã Tam Đại	Tam Đại	Kênh BTCT, Kích thước BxH = (30x40)cm	900	9	800	560	240	
(6)	Huyện Đại Lộc			0	40	1.500	1.050	450	850
I	Thuỷ lợi nhỏ			0	40	1.500	1.050	450	850
I.1	Trạm bơm, đập,...			0	40	1.500	1.050	450	850
1	Thuỷ lợi hóa đất màu vùng Mỹ Thuận đất thâm canh Đại Cường	Mỹ Thuận, Đại Nghĩa	1500m Đường dây hạ thế 0,4kv		40	1.500	1.050	450	
(7)	Huyện Tiên Phước			800	11	800	720	80	550
I	Kiên cố hóa kênh mương			800	11	800	720	80	550
1	KCH kênh mương loại III	Tiên Ngọc	Kênh bằng bê tông cốt thép; B*H = (40*40)cm;	800	11	800	720	80	
II	Thuỷ lợi nhỏ			0	0	0	0	0	0
II.1	Trạm bơm, đập, ..			0	0	0	0	0	0
(8)	Huyện Tây Giang			600	10	600	570	30	450
I	Kiên cố hóa kênh mương			600	10	600	570	30	450
1	Kiên cố hoá kênh mương thuỷ lợi suối Góp	xã Axan	Nâng cấp đập; làm mới kênh hở (0,3x0,2)m.	600	10	600	570	30	
(9)	Huyện Phước Sơn			700	3	800	760	40	590
I	Thuỷ lợi nhỏ			700	3	800	760	40	590
I.1	Trạm bơm, đập,...			700	3	800	760	40	590
1	Thuỷ lợi thôn 2, thôn 4 xã Phước Chánh	Phước Chánh	02 đập chứa nước BTCT, tuyến ống HPDE D200 và các phụ trợ khác	700	3	800	760	40	
(10)	Huyện Nam Trà My			750	4	750	713	38	550
I	Công trình thuỷ lợi nhỏ			750	4	750	713	38	550
1	Thuỷ lợi nước Tuom, thôn 2 xã Trà Tập	Thôn 2 xã Trà Tập	Đập đầu mối dài 9 m, cao 0,7m, đỉnh đập rộng 70cm	750	4	750	713	38	

(11)	Công ty Khai thác thủy lợi Quảng Nam			985	297	2.300	2.300	0	1.200
I	Kiên cố hóa kênh mương			985	43	1.100	1.100	0	600
1	Kiên cố kênh N8, hồ chứa nước Vĩnh Trinh	Xã Duy Hòa	Kênh hộp BxH=(60x60)cm; kết cấu BTCT; kênh hở	985	43	1.100	1.100	0	
II	Thủy lợi nhỏ				254	1.200	1.200	0	600
1	Trạm bơm điện Tứ Cầu	Phường Điện Ngọc	Nâng cấp nhà máy: S=110m ² thay mới 06 tổ máy bơm và hệ thống điện vận hành máy		254	1.200	1.200		